



BỘ Y TẾ
VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ

**QUY TRÌNH
ĐÀM PHÁN KÝ KẾT
CÁC VĂN BẢN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ**

QT.01.HTQT

| | Người viết | Người kiểm tra | Người phê duyệt |
|-----------|--------------|---------------------------------------|---|
| Họ và tên | Phạm Thị Nga | TS. Trần Thị Giáng Hương Vụ trưởng | PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Tiên Bộ trưởng |
| Ký | | | |

1. MỤC ĐÍCH:

Quy trình này nhằm quy định thống nhất thẩm quyền, trình tự, thủ tục tiến hành việc đàm phán ký kết các điều ước quốc tế do Bộ Y tế ký nhân danh Chính phủ, các thoả thuận quốc tế cấp Bộ và các văn bản ghi nhớ hợp tác quốc tế cấp đơn vị.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG:

Quy trình này được áp dụng cho việc đàm phán, ký kết các văn bản điều ước, thoả thuận quốc tế của Bộ Y tế hoặc đơn vị trực thuộc Bộ Y tế.

3. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam số 41/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005.
- Pháp lệnh ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 33/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007.
- Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.
- Quyết định số 468/QĐ-BYT ngày 6 tháng 2 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Hợp tác Quốc tế.
- Quy chế hợp tác quốc tế của Bộ Y tế.

4. ĐỊNH NGHĨA TỪ NGỮ:

Trong Quy trình này những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

4.1. Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước hoặc nhân danh Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với một hoặc nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế, không phụ thuộc vào tên gọi là hiệp ước, công ước, hiệp định, định ước, thỏa thuận, nghị định thư, bản ghi nhớ, công hàm trao đổi hoặc văn kiện có tên gọi khác.

4.2. Giấy ủy quyền là văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định một hoặc nhiều người đại diện cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện một hoặc nhiều hành vi pháp lý liên quan đến việc đàm phán, ký kết điều ước quốc tế.

4.3. Ký kết là những hành vi pháp lý do người hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, bao gồm đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt điều ước quốc tế hoặc trao đổi văn kiện tạo thành điều ước quốc tế.

4.4. Ký là hành vi pháp lý do người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền thực hiện, bao gồm ký điều ước quốc tế không phải phê chuẩn hoặc phê duyệt và ký điều ước quốc tế phải phê chuẩn hoặc phê duyệt.

4.5. Phê chuẩn là hành vi pháp lý do Quốc hội hoặc Chủ tịch nước thực hiện để chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế đã ký đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4.6. Phê duyệt là hành vi pháp lý do Chính phủ thực hiện để chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế đã ký đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4.7. Gia nhập là hành vi pháp lý do Quốc hội, Chủ tịch nước hoặc Chính phủ thực hiện để chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế nhiều bên đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không ký kết điều ước quốc tế đó, không phụ thuộc vào việc điều ước quốc tế này đã có hiệu lực hay chưa có hiệu lực.

4.8. Bảo lưu của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là tuyên bố của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khi ký, phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên nhằm loại trừ hoặc thay đổi hiệu lực pháp lý của một hoặc một số quy định trong điều ước quốc tế khi áp dụng đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4.9. Từ bỏ hoặc rút khỏi điều ước là hành vi pháp lý do Quốc hội, Chủ tịch nước hoặc Chính phủ thực hiện để từ bỏ việc chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4.10. Bên ký kết nước ngoài là quốc gia, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế.

4.11. Tổ chức quốc tế là tổ chức liên chính phủ.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH:

5.1 Phân loại văn bản điều ước, thoả thuận quốc tế:

- **Điều ước quốc tế do Bộ Y tế ký nhân danh Chính phủ:** là thoả thuận bằng văn bản được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước hoặc nhân danh Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với một hoặc nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế, không phụ thuộc vào tên gọi là hiệp ước, công ước, hiệp định, định ước, thoả thuận, nghị định thư, bản ghi nhớ, công hàm trao đổi hoặc văn kiện có tên gọi khác. Đó là:

+ Điều ước quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế, trừ các điều ước quốc tế về hoà bình, an ninh, biên giới, lãnh thổ, chủ quyền quốc gia và các điều ước quốc tế về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, về tương trợ tư pháp.

+ Điều ước quốc tế được ký kết nhân danh Chính phủ theo thoả thuận với bên ký kết nước ngoài.

- **Thoả thuận quốc tế cấp Bộ:** là cam kết bằng văn bản về hợp tác quốc tế được ký kết nhân danh cơ quan nhà nước ở trung ương, cơ quan cấp tỉnh, cơ quan trung ương của tổ chức trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình với một hoặc nhiều bên ký kết nước ngoài, trừ các nội dung sau đây:

- + Hoà bình, an ninh, biên giới, lãnh thổ, chủ quyền quốc gia;
- + Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tương trợ tư pháp;
- + Tham gia tổ chức quốc tế liên chính phủ;

+ Hỗ trợ phát triển chính thức thuộc quan hệ cấp Nhà nước hoặc Chính phủ Việt Nam;

+ Các vấn đề khác thuộc quan hệ cấp Nhà nước hoặc Chính phủ theo quy định của pháp luật.

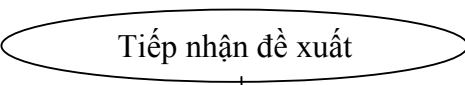
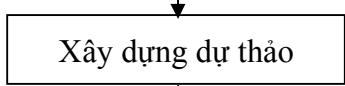
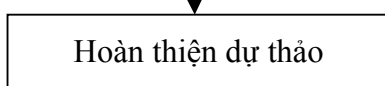
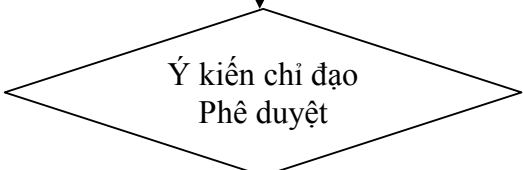
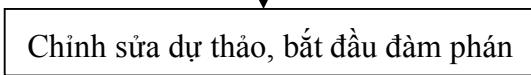
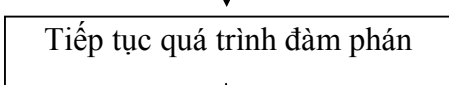
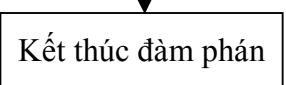
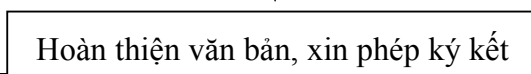
Thoả thuận quốc tế được ký kết với tên gọi là Thoả thuận, Bản ghi nhớ, Biên bản thoả thuận, Biên bản trao đổi, Chương trình hợp tác, Kế hoạch hợp tác hoặc tên gọi khác.

- **Văn bản ghi nhớ hợp tác quốc tế cấp đơn vị:** là cam kết bằng văn bản về hợp tác quốc tế được ký kết nhân danh đơn vị trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị đó với một hoặc nhiều bên ký kết với nước ngoài theo sự cho phép của Bộ Y tế.

5.2 Điều ước quốc tế do Bộ Y tế ký nhân danh Chính phủ:

5.2.1 Đàm phán, ký kết:

5.2.1.1 Sơ đồ quy trình:

| Người chịu trách nhiệm | Nội dung thực hiện | Mô tả biểu mẫu |
|------------------------------|--|----------------|
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.2.1.2.1 |
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.2.1.2.2 |
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.2.1.2.3 |
| Lãnh đạo Bộ |  | |
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.2.1.2.4 |
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.2.1.2.5 |
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.2.1.2.6 |
| Bộ Y tế (Vụ Hợp tác Quốc tế) |  | 5.2.1.2.7 |

| | | |
|---------------------|--|-----------|
| tế) | | |
| Thủ tướng Chính phủ | | |
| Cấp có thẩm quyền | | 5.2.1.2.8 |
| Vụ Hợp tác Quốc tế | | 4.2.1.2.9 |

5.2.1.2 Mô tả sơ đồ:

5.2.1.2.1 Tiếp nhận đề xuất:

- Một điều ước quốc tế có thể được xây dựng theo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ hoặc đề xuất của Tổng cục/Cục/Vụ chuyên môn.

5.2.1.2.2 Xây dựng dự thảo:

- Sau khi nhận được yêu cầu/đề xuất xây dựng văn bản điều ước quốc tế, Vụ Hợp tác Quốc tế có công văn đề nghị các Tổng cục/Cục/Vụ/Thanh tra Bộ/đơn vị trực thuộc liên quan (dưới đây gọi là đơn vị liên quan) cung cấp thông tin/yêu cầu/đề xuất liên quan tới nội dung văn bản điều ước quốc tế. Vụ Hợp tác Quốc tế tiến hành xây dựng dự thảo dựa trên các thông tin nhận được.

5.2.1.2.3 Hoàn thiện dự thảo:

- Sau khi dự thảo được xây dựng xong, Vụ Hợp tác Quốc tế gửi các đơn vị liên quan, đề nghị nghiên cứu và cho ý kiến chỉnh sửa. Trong trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu tổ chức cuộc họp gồm đại diện các đơn vị liên quan.

- Sau khi các đơn vị liên quan đồng ý với nội dung dự thảo, Vụ Hợp tác Quốc tế trình Lãnh đạo Bộ xin ý kiến chỉ đạo. Đầu tiên trình Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực xin ý kiến về mặt nội dung dự thảo, sau đó trình báo cáo Bộ trưởng.

5.2.1.2.4 Bắt đầu đàm phán:

- Sau khi nhận được sự phê duyệt về nội dung dự thảo của Lãnh đạo Bộ, Vụ Hợp tác Quốc tế soạn thảo công hàm gửi phía nước ngoài, bắt đầu quá trình đàm phán.

5.2.1.2.5 Quá trình đàm phán:

- Sau khi nhận được dự thảo đã được sửa theo ý kiến của phía nước ngoài, Vụ Hợp tác Quốc tế gửi các đơn vị liên quan cho ý kiến, sau đó tổng hợp và trình Lãnh đạo Bộ.

- Vụ Hợp tác Quốc tế chỉnh sửa lại dự thảo và gửi lại phía nước ngoài để tiếp tục đàm phán. Quá trình này có thể lặp lại một số lần cho đến khi hai bên (phía Việt Nam và phía nước ngoài) hoàn toàn thống nhất về nội dung dự thảo. Trong trường

hợp cần thiết, phía Việt Nam có thể cử đoàn đi nước ngoài hoặc mời đoàn phía nước ngoài vào Việt Nam để tiến hành đàm phán trực tiếp.

5.2.1.2.6 Kết thúc đàm phán:

- Sau khi dự thảo đã được hoàn thiện, Vụ Hợp tác Quốc tế soạn thảo công văn trình Lãnh đạo Bộ ký gửi các Bộ ngành liên quan cho ý kiến về nội dung dự thảo (kèm theo dự thảo điều ước quốc tế tiếng Việt, tiếng nước ngoài; trong trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch kèm theo).
- Nếu ý kiến của các Bộ ngành liên quan có điểm khác biệt với dự thảo đã được phía nước ngoài đồng ý, Vụ Hợp tác Quốc tế nghiên cứu tổng hợp, báo cáo xin ý kiến Lãnh đạo Bộ và thông báo cho phía nước ngoài để thống nhất sửa chữa.

5.2.1.2.7 Hoàn thiện văn bản, xin phép ký kết:

- Vụ Hợp tác Quốc tế tổng hợp ý kiến của các Bộ ngành liên quan, chỉnh sửa dự thảo, trình báo cáo Lãnh đạo Bộ.
- Sau khi nhận được ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, Vụ HTQT trình Lãnh đạo Bộ ký tờ trình Thủ tướng Chính phủ xin phép được ký kết và gửi Bộ Ngoại giao cho ý kiến kiểm tra, Bộ Tư pháp cho ý kiến thẩm định dự thảo và tờ trình.
- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ đề xuất đàm phán, ký điều ước quốc tế phải có những nội dung sau đây:
 - + Sự cần thiết, yêu cầu, mục đích đề xuất đàm phán, ký điều ước quốc tế;
 - + Nội dung chính của điều ước quốc tế;
 - + Tên gọi, hình thức, danh nghĩa ký, người đại diện ký, ngôn ngữ, hiệu lực, hình thức hiệu lực, thời hạn hiệu lực và việc áp dụng tạm thời điều ước quốc tế;
 - + Các quyền, nghĩa vụ phát sinh từ điều ước quốc tế đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - + Đánh giá tác động chính trị, kinh tế - xã hội và những tác động khác;
 - + Đánh giá việc tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật này;
 - + Đánh giá sự phù hợp về nội dung của điều ước quốc tế đó với điều ước quốc tế về cùng một lĩnh vực mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
 - + Đánh giá mức độ tương thích giữa quy định của điều ước quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam;
 - + Kiến nghị bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài, tuyên bố đối với điều ước quốc tế nhiều bên;
 - + Kiến nghị về việc áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế;
 - + Những vấn đề còn ý kiến khác nhau giữa cơ quan đề xuất với các cơ quan, tổ chức hữu quan, giữa bên Việt Nam với bên ký kết nước ngoài và kiến nghị biện pháp xử lý.

- Hoàn thiện hồ sơ đề xuất đàm phán, ký kết điều ước quốc tế trình Thủ tướng Chính phủ. Hồ sơ bao gồm:

+ Tờ trình Thủ tướng Chính phủ.

+ Văn bản điều ước quốc tế bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài; trong trường hợp điều ước quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch điều ước quốc tế bằng tiếng Việt kèm theo;

+ Ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức hữu quan;

+ Các tài liệu cần thiết khác.

5.2.1.2.8 Ký kết:

- Sau khi nhận được ý kiến phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Vụ Hợp tác Quốc tế triển khai việc giải quyết các thủ tục liên quan đến công tác tổ chức lễ ký kết.

a. Cấp Giấy ủy quyền ký kết điều ước quốc tế:

- Vụ Hợp tác Quốc tế phối hợp với Bộ Ngoại giao giải quyết các thủ tục liên quan đến việc cấp Giấy ủy quyền ký kết điều ước quốc tế cho Lãnh đạo Bộ Y tế.

- Trong trường hợp Lãnh đạo Bộ Y tế không thể tham dự ký kết điều ước quốc tế, Vụ Hợp tác Quốc tế trình Lãnh đạo Bộ ký tờ trình Thủ tướng Chính phủ, xin phép ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao hoặc người đứng đầu phái đoàn đại diện thường trực của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại quốc gia/tổ chức quốc tế, cơ quan thuộc tổ chức này hoặc người đại diện khác ký điều ước quốc tế.

b. Tổ chức lễ ký kết điều ước quốc tế:

- Vụ Hợp tác Quốc tế phối hợp với Bộ Ngoại giao hoàn thành thủ tục ký và văn bản điều ước quốc tế, tổ chức lễ ký điều ước quốc tế.

- Lễ ký kết có thể được tổ chức nhân dịp chuyến thăm chính thức của các đoàn cấp cao của Nhà nước/Chính phủ hai nước.

- Trong trường hợp điều ước quốc tế đã được cho phép ký kết nhưng chưa thể tổ chức ký được thì Vụ Hợp tác Quốc tế trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản báo cáo và kiến nghị biện pháp xử lý với Chính phủ, đồng thời thông báo cho Bộ Ngoại giao để phối hợp.

5.2.1.2.9 Giải quyết các thủ tục sau khi ký kết:

- Sau khi điều ước quốc tế được ký kết, văn bản điều ước quốc tế phải được sao gửi cho các bên liên quan:

+ Sau khi điều ước quốc tế được ký kết, Bộ Y tế (Vụ Hợp tác Quốc tế) gửi Bộ Ngoại giao bản chính điều ước quốc tế, bản dịch bằng tiếng Việt trong trường hợp điều ước quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài, bản ghi điện tử nội dung điều ước quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài để hoàn thành thủ tục về điều ước quốc tế trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày điều ước quốc tế hai bên được ký ở trong nước hoặc kể từ ngày đoàn đàm phán, ký điều ước quốc tế ở nước ngoài về nước.

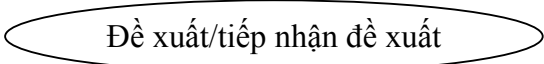
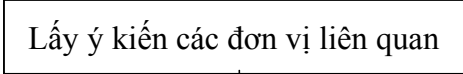
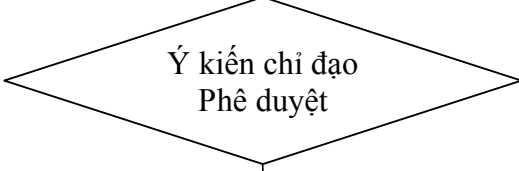
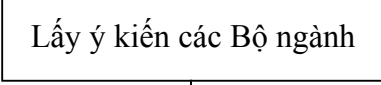
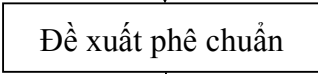
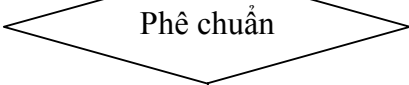
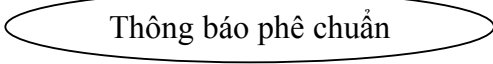
+ Trong trường hợp người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao hoặc phái đoàn đại diện thường trực của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại tổ chức quốc tế ký điều ước quốc tế thì người ký có trách nhiệm báo cáo, gửi ngay bản sao điều ước quốc tế đã ký cho Bộ Ngoại giao và trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày ký phải gửi bản chính điều ước quốc tế đến Bộ Y tế. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được bản chính điều ước quốc tế, Bộ Y tế (Vụ Hợp tác Quốc tế) chuyển Bộ Ngoại giao các văn bản cần thiết (như phần trên).

+ Nếu là điều ước quốc tế nhiều bên, Bộ Y tế (Vụ Hợp tác Quốc tế) gửi Bộ Ngoại giao bản sao điều ước quốc tế nhiều bên đã được cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế nhiều bên chứng thực, bản dịch điều ước quốc tế bằng tiếng Việt, bản ghi điện tử nội dung điều ước bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài để hoàn thành thủ tục về điều ước quốc tế trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được bản sao điều ước quốc tế do cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế nhiều bên gửi đến.

* Ghi chú: Trong trường hợp dự thảo văn bản điều ước quốc tế do phía nước ngoài xây dựng, quy trình sẽ được thực hiện kể từ bước 5.2.1.2.5.

5.2.2 Phê chuẩn:

5.2.2.1 Sơ đồ quy trình:

| Người chịu trách nhiệm | Nội dung thực hiện | Mô tả biểu mẫu |
|------------------------------|--|----------------|
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.2.2.2.1 |
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.2.2.2.2 |
| Lãnh đạo Bộ |  | |
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.2.2.2.3 |
| Bộ Y tế (Vụ Hợp tác Quốc tế) |  | 5.2.2.2.4 |
| Thủ tướng Chính phủ |  | |
| Bộ Ngoại giao |  | 5.2.2.2.5 |

5.2.2.2 Mô tả sơ đồ:

5.2.2.2.1 Đề xuất/tiếp nhận đề xuất:

- Việc phê chuẩn một điều ước quốc tế có thể do Vụ Hợp tác Quốc tế đề xuất hoặc tiếp nhận đề xuất từ các Tổng cục/Cục/Vụ chuyên môn căn cứ theo yêu cầu của điều ước quốc tế đó.

- Những điều ước quốc tế sau đây phải được phê chuẩn:

+ Điều ước quốc tế có quy định phải phê chuẩn;

+ Điều ước quốc tế ký nhân danh Chính phủ có quy định trái với quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc có quy định liên quan đến ngân sách nhà nước.

5.2.2.2.2 Lấy ý kiến của các đơn vị liên quan:

- Sau khi nhận được yêu cầu/đề xuất phê chuẩn điều ước quốc tế, Vụ Hợp tác Quốc tế có công văn đề nghị các Tổng cục/Cục/Vụ/Thanh tra Bộ/đơn vị trực thuộc liên quan (dưới đây gọi là đơn vị liên quan) cho ý kiến (bằng văn bản) về việc phê chuẩn điều ước quốc tế (trong đó phải bao gồm cả dự kiến kế hoạch tổ chức thực hiện điều ước quốc tế).

- Sau khi nhận được văn bản góp ý của các đơn vị liên quan, Vụ Hợp tác Quốc tế tổng hợp trình Lãnh đạo Bộ xin ý kiến chỉ đạo.

5.2.2.2.3 Lấy ý kiến các Bộ ngành:

- Sau khi có sự chuẩn y của Lãnh đạo Bộ, Vụ Hợp tác Quốc tế soạn thảo công văn trình Lãnh đạo Bộ ký gửi Bộ Ngoại giao và các Bộ ngành liên quan cho ý kiến về việc phê chuẩn điều ước quốc tế (kèm theo dự thảo điều ước quốc tế tiếng Việt, tiếng nước ngoài; trong trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch kèm theo).

5.2.2.2.4 Đề xuất phê chuẩn:

- Vụ Hợp tác Quốc tế tổng hợp ý kiến của các Bộ ngành liên quan, trình Lãnh đạo Bộ ký tờ trình Thủ tướng Chính phủ và hoàn thiện hồ sơ đề xuất phê chuẩn điều ước quốc tế.

- Hồ sơ đề xuất trình Chính phủ để Chính phủ trình Chủ tịch nước về việc phê chuẩn điều ước quốc tế bao gồm:

+ Tờ trình của Bộ Y tế (cơ quan đề xuất phê chuẩn điều ước quốc tế), trong đó đánh giá tác động của điều ước quốc tế đối với Việt Nam; kiến nghị về việc phê chuẩn, thời điểm phê chuẩn, nội dung bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài, tuyên bố đối với điều ước quốc tế nhiều bên; kiến nghị về việc áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ để thực hiện điều ước quốc tế;

+ Bản sao điều ước quốc tế, bản dịch bằng tiếng Việt trong trường hợp điều ước quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài;

+ Ý kiến của Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức hữu quan;

+ Dự kiến kế hoạch tổ chức thực hiện điều ước quốc tế;

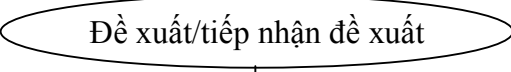
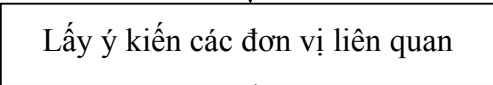
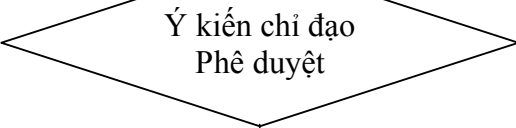
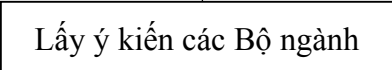
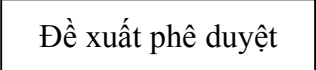
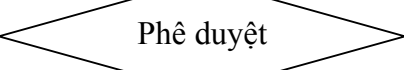
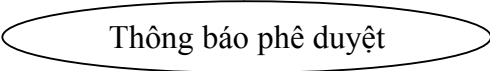
+ Các tài liệu cần thiết khác.

5.2.2.2.5 Thông báo phê chuẩn:

- Sau khi điều ước quốc tế được chuẩn y phê chuẩn, Bộ Ngoại giao thông báo cho bên ký kết nước ngoài hoặc cơ quan lưu chiểu điều ước quốc tế nhiều bên về việc phê chuẩn điều ước quốc tế và thông báo cho các cơ quan nhà nước hữu quan về ngày có hiệu lực của điều ước quốc tế.

5.2.3 Phê duyệt:

5.2.3.1 Sơ đồ quy trình:

| Người chịu trách nhiệm | Nội dung thực hiện | Mô tả biểu mẫu |
|------------------------|--|----------------|
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.2.3.2.1 |
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.2.3.2.2 |
| Lãnh đạo Bộ |  | |
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.2.3.2.4 |
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.2.3.2.5 |
| Thủ tướng Chính phủ |  | |
| Bộ Ngoại giao |  | 5.2.3.2.6 |

5.2.3.2 Mô tả sơ đồ:

5.2.3.2.1 Tiếp nhận đề xuất:

- Việc phê duyệt một điều ước quốc tế có thể do Vụ Hợp tác Quốc tế đề xuất hoặc tiếp nhận đề xuất từ Tổng cục/Cục/Vụ chuyên môn căn cứ theo yêu cầu của điều ước quốc tế đó.

- Những điều ước quốc tế sau đây phải được phê duyệt:

- + Điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ có quy định phải phê duyệt;
- + Điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ có quy định trái với quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ;
- + Điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ có quy định phải hoàn thành pháp lý nội bộ.

5.2.3.2.2 Lấy ý kiến của các đơn vị liên quan:

- Sau khi nhận được yêu cầu/đề xuất phê duyệt điều ước quốc tế, Vụ Hợp tác Quốc tế có công văn đề nghị các Tổng cục/Cục/Vụ/Thanh tra Bộ/đơn vị trực thuộc liên quan (dưới đây gọi là đơn vị liên quan) cho ý kiến (bằng văn bản) về việc phê duyệt điều ước quốc tế (trong đó phải bao gồm cả dự kiến kế hoạch tổ chức thực hiện điều ước quốc tế).

- Sau khi nhận được văn bản góp ý của các đơn vị liên quan, Vụ Hợp tác Quốc tế tổng hợp trình Lãnh đạo Bộ xin ý kiến chỉ đạo.

5.2.3.2.3 Lấy ý kiến các Bộ ngành:

- Sau khi có sự chuẩn y của Lãnh đạo Bộ, Vụ Hợp tác Quốc tế soạn thảo công văn trình Lãnh đạo Bộ ký gửi Bộ Ngoại giao và các Bộ ngành liên quan cho ý kiến về việc phê duyệt điều ước quốc tế (kèm theo dự thảo điều ước quốc tế tiếng Việt, tiếng nước ngoài; trong trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch kèm theo).

5.2.3.2.4 Đề xuất phê duyệt:

- Vụ Hợp tác Quốc tế tổng hợp ý kiến của các Bộ ngành liên quan, soạn thảo tờ trình Thủ tướng Chính phủ và hoàn thiện hồ sơ đề xuất phê duyệt điều ước quốc tế.

- Hồ sơ đề xuất trình Chính phủ về việc phê duyệt điều ước quốc tế bao gồm:

+ Tờ trình của Bộ Y tế (cơ quan đề xuất phê duyệt điều ước quốc tế), trong đó đánh giá tác động của điều ước quốc tế đối với Việt Nam; kiến nghị về việc phê duyệt, thời điểm phê duyệt, nội dung bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài, tuyên bố đối với điều ước quốc tế nhiều bên; kiến nghị về việc áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ để thực hiện điều ước quốc tế;

+ Bản sao điều ước quốc tế, bản dịch bằng tiếng Việt trong trường hợp điều ước quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài;

+ Ý kiến của Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức hữu quan;

+ Dự kiến kế hoạch tổ chức thực hiện điều ước quốc tế;

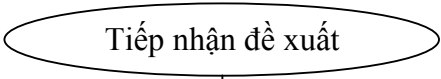
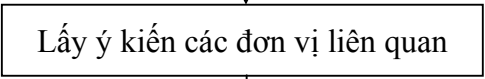
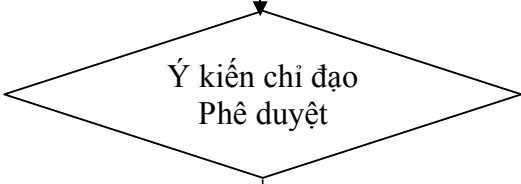
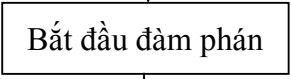
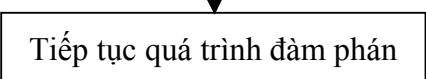
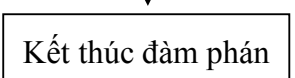
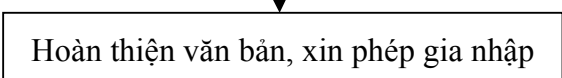
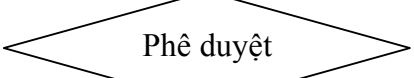
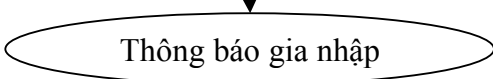
+ Các tài liệu cần thiết khác.

5.2.3.2.5 Thông báo phê duyệt:

- Sau khi điều ước quốc tế được chuẩn y phê duyệt, Bộ Ngoại giao thông báo cho bên ký kết nước ngoài hoặc cơ quan lưu chiều điều ước quốc tế nhiều bên về việc phê duyệt điều ước quốc tế và thông báo cho các cơ quan nhà nước hữu quan về ngày có hiệu lực của điều ước quốc tế.

5.2.4 Gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên:

5.2.4.1 Sơ đồ quy trình:

| Người chịu trách nhiệm | Nội dung thực hiện | Mô tả biểu mẫu |
|------------------------------|--|----------------|
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.2.4.2.1 |
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.2.4.2.2 |
| Lãnh đạo Bộ |  | |
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.2.4.2.3 |
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.2.4.2.4 |
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.2.4.2.5 |
| Bộ Y tế (Vụ Hợp tác Quốc tế) |  | 5.2.4.2.6 |
| Thủ tướng Chính phủ |  | |
| Bộ Ngoại giao |  | 5.2.4.2.7 |

5.2.4.2 Mô tả sơ đồ:

5.2.4.2.1 Tiếp nhận đề xuất:

- Việc gia nhập một điều ước quốc tế nhiều bên có thể được xem xét căn cứ theo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ hoặc đề xuất của Tổng cục/Cục/Vụ chuyên môn.

5.2.4.2.2 Lấy ý kiến của các đơn vị liên quan:

- Sau khi nhận được yêu cầu/đề xuất gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên, Vụ Hợp tác Quốc tế gửi công văn đề nghị các Tổng cục/Cục/Vụ/Thanh tra Bộ/đơn vị trực thuộc liên quan (dưới đây gọi là đơn vị liên quan) cho ý kiến (bằng văn bản) về

việc gia nhập điều ước quốc tế (trong đó phải bao gồm cả dự kiến kế hoạch tổ chức thực hiện điều ước quốc tế).

- Sau khi nhận được văn bản góp ý của các đơn vị liên quan, Vụ Hợp tác Quốc tế tổng hợp trình Lãnh đạo Bộ xin ý kiến chỉ đạo.

5.2.4.2.3 Bắt đầu đàm phán:

- Sau khi nhận được sự phê duyệt về nội dung dự thảo của Lãnh đạo Bộ, Vụ Hợp tác Quốc tế soạn thảo công hàm gửi phía nước ngoài, bắt đầu quá trình đàm phán.

5.2.4.2.4 Quá trình đàm phán:

- Sau khi nhận được dự thảo đã được sửa theo ý kiến của phía nước ngoài, Vụ Hợp tác Quốc tế gửi các đơn vị liên quan cho ý kiến, sau đó tổng hợp và trình Lãnh đạo Bộ.

- Vụ Hợp tác Quốc tế chỉnh sửa lại dự thảo và gửi lại phía nước ngoài để tiếp tục đàm phán. Quá trình này có thể lặp lại một số lần cho đến khi hai bên (phía Việt Nam và phía nước ngoài) hoàn toàn thống nhất về nội dung dự thảo. Trong trường hợp cần thiết, phía Việt Nam có thể cử đoàn đi nước ngoài hoặc mời đoàn phía nước ngoài vào Việt Nam để tiến hành đàm phán trực tiếp.

5.2.4.2.5 Kết thúc đàm phán:

- Sau khi dự thảo đã được hoàn thiện, Vụ Hợp tác Quốc tế soạn thảo công văn trình Lãnh đạo Bộ ký gửi các Bộ ngành liên quan cho ý kiến về nội dung dự thảo (kèm theo dự thảo điều ước quốc tế tiếng Việt, tiếng nước ngoài; trong trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch kèm theo).

- Nếu ý kiến của các Bộ ngành liên quan có điểm khác biệt với dự thảo đã được phía nước ngoài đồng ý, Vụ Hợp tác Quốc tế nghiên cứu tổng hợp, báo cáo xin ý kiến Lãnh đạo Bộ và thông báo cho phía nước ngoài để thống nhất sửa chữa.

5.2.4.2.6 Hoàn thiện văn bản, xin phép ký kết:

- Vụ Hợp tác Quốc tế tổng hợp ý kiến của các Bộ ngành liên quan, chỉnh sửa dự thảo, trình báo cáo Lãnh đạo Bộ.

- Sau khi nhận được ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, Vụ HTQT trình Lãnh đạo Bộ ký tờ trình Thủ tướng Chính phủ xin phép được ký kết và gửi Bộ Ngoại giao cho ý kiến kiểm tra, Bộ Tư pháp cho ý kiến thẩm định dự thảo và tờ trình.

- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ đề xuất đàm phán, ký điều ước quốc tế phải có những nội dung sau đây:

+ Sự cần thiết, yêu cầu, mục đích đề xuất đàm phán, ký điều ước quốc tế;

+ Nội dung chính của điều ước quốc tế;

+ Tên gọi, hình thức, danh nghĩa ký, người đại diện ký, ngôn ngữ, hiệu lực, hình thức hiệu lực, thời hạn hiệu lực và việc áp dụng tạm thời điều ước quốc tế;

+ Các quyền, nghĩa vụ phát sinh từ điều ước quốc tế đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Đánh giá tác động chính trị, kinh tế - xã hội và những tác động khác;

- + Đánh giá việc tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật này;
- + Đánh giá sự phù hợp về nội dung của điều ước quốc tế đó với điều ước quốc tế về cùng một lĩnh vực mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
- + Đánh giá mức độ tương thích giữa quy định của điều ước quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam;
- + Kiến nghị bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài, tuyên bố đối với điều ước quốc tế nhiều bên;
- + Kiến nghị về việc áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế;
- + Những vấn đề còn ý kiến khác nhau giữa cơ quan đề xuất với các cơ quan, tổ chức hữu quan, giữa bên Việt Nam với bên ký kết nước ngoài và kiến nghị biện pháp xử lý.
- Hoàn thiện hồ sơ đề xuất gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên trình Thủ tướng Chính phủ. Hồ sơ bao gồm:
 - + Tờ trình Thủ tướng Chính phủ.
 - + Bản sao điều ước quốc tế, bản dịch điều ước quốc tế bằng tiếng Việt;
 - + Ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức hữu quan;
 - + Danh sách các thành viên của điều ước quốc tế, văn bản sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế, bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu, tuyên bố của các bên ký kết nước ngoài đối với điều ước quốc tế, thủ tục pháp lý cần thiết và các thông tin khác liên quan đến việc gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên;
 - + Dự kiến kế hoạch tổ chức thực hiện điều ước quốc tế;
 - + Các tài liệu cần thiết khác.

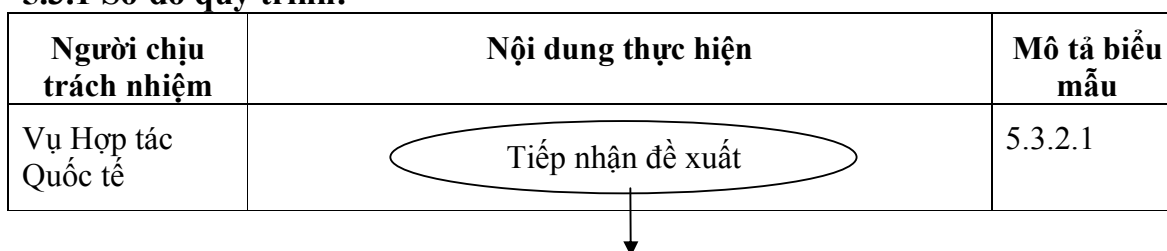
5.2.4.2.7 Thông báo gia nhập:

- Sau khi điều ước quốc tế được chuẩn y gia nhập, Bộ Ngoại giao thông báo cho cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế nhiều bên về việc gia nhập điều ước quốc tế và các cơ quan nhà nước hữu quan về ngày có hiệu lực của điều ước quốc tế nhiều bên.

* Ghi chú: Trong trường hợp dự thảo văn bản điều ước quốc tế do phía nước ngoài xây dựng, quy trình sẽ được thực hiện kể từ bước 5.2.4.2.4.

5.3 Thoả thuận quốc tế cấp Bộ:

5.3.1 Sơ đồ quy trình:



| | | |
|--------------------|---|----------|
| Vụ Hợp tác Quốc tế | <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Xây dựng dự thảo</div> | 5.3.2.2 |
| Vụ Hợp tác Quốc tế | <div style="text-align: center;">↓</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Hoàn thiện dự thảo</div> | 5.3.2.3 |
| Lãnh đạo Bộ | <div style="text-align: center;">↓</div> <div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 100px; margin: 0 auto; transform: rotate(45deg); display: flex; align-items: center; justify-content: center;"> <div style="transform: rotate(-45deg);">Ý kiến chỉ đạo Phê duyệt</div> </div> | |
| Vụ Hợp tác Quốc tế | <div style="text-align: center;">↓</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Bắt đầu đàm phán</div> | 5.3.2.4 |
| Vụ Hợp tác Quốc tế | <div style="text-align: center;">↓</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Tiếp tục quá trình đàm phán</div> | 5.3.2.5 |
| Vụ Hợp tác Quốc tế | <div style="text-align: center;">↓</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Kết thúc đàm phán</div> | 5.3.2.6 |
| Vụ Hợp tác Quốc tế | <div style="text-align: center;">↓</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Hoàn thiện văn bản, xin phép ký kết</div> | 5.3.2.7 |
| Lãnh đạo Bộ | <div style="text-align: center;">↓</div> <div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 100px; margin: 0 auto; transform: rotate(45deg); display: flex; align-items: center; justify-content: center;"> <div style="transform: rotate(-45deg);">Phê duyệt</div> </div> | 5.3.2.8 |
| Cấp có thẩm quyền | <div style="text-align: center;">↓</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Ký kết</div> | 5.3.2.9 |
| Vụ Hợp tác Quốc tế | <div style="text-align: center;">↓</div> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 10px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Giải quyết các thủ tục sau khi ký kết</div> | 5.3.2.10 |

5.3.2 Mô tả sơ đồ:

5.3.2.1 Tiếp nhận đề xuất:

- Một thoả thuận quốc tế cấp Bộ có thể được xây dựng theo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ hoặc đề xuất của Tổng cục/Cục/Vụ chuyên môn.

5.3.2.2 Xây dựng dự thảo:

- Sau khi nhận được yêu cầu/đề xuất xây dựng văn bản thoả thuận quốc tế cấp Bộ, Vụ Hợp tác Quốc tế có công văn đề nghị các Tổng cục/Cục/Vụ/Thanh tra Bộ/đơn

vị trực thuộc liên quan (dưới đây gọi là đơn vị liên quan) cung cấp thông tin/yêu cầu/đề xuất liên quan tới nội dung văn bản thoả thuận quốc tế cấp Bộ. Vụ Hợp tác Quốc tế tiến hành xây dựng dự thảo dựa trên các thông tin nhận được.

5.3.2.3 Hoàn thiện dự thảo:

- Sau khi dự thảo được xây dựng xong, Vụ Hợp tác Quốc tế gửi các đơn vị liên quan, đề nghị nghiên cứu và cho ý kiến chỉnh sửa. Trong trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu tổ chức cuộc họp gồm đại diện các đơn vị liên quan.
- Sau khi các đơn vị liên quan đồng ý với nội dung dự thảo, Vụ Hợp tác Quốc tế trình Lãnh đạo Bộ xin ý kiến chỉ đạo. Đầu tiên trình Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực xin ý kiến về mặt nội dung dự thảo, sau đó trình báo cáo Bộ trưởng.

5.3.2.4 Bắt đầu đàm phán:

- Sau khi nhận được sự phê duyệt về nội dung dự thảo của Lãnh đạo Bộ, Vụ Hợp tác Quốc tế soạn thảo công hàm gửi phía nước ngoài, bắt đầu quá trình đàm phán.

5.3.2.5 Quá trình đàm phán:

- Sau khi nhận được dự thảo đã được sửa theo ý kiến của phía nước ngoài, Vụ Hợp tác Quốc tế gửi các đơn vị liên quan cho ý kiến, sau đó tổng hợp và trình Lãnh đạo Bộ.
- Vụ Hợp tác Quốc tế chỉnh sửa lại dự thảo và gửi lại phía nước ngoài để tiếp tục đàm phán. Quá trình này có thể lặp lại một số lần cho đến khi hai bên (phía Việt Nam và phía nước ngoài) hoàn toàn thống nhất về nội dung dự thảo. Trong trường hợp cần thiết, phía Việt Nam có thể cử đoàn đi nước ngoài hoặc mời đoàn phía nước ngoài vào Việt Nam để tiến hành đàm phán trực tiếp.

5.3.2.6 Kết thúc đàm phán:

- Sau khi dự thảo đã được hoàn thiện, Vụ Hợp tác Quốc tế soạn thảo công văn trình Lãnh đạo Bộ ký gửi các Bộ ngành liên quan và Bộ Ngoại giao cho ý kiến về nội dung dự thảo (kèm theo dự thảo điều ước quốc tế tiếng Việt, tiếng nước ngoài; trong trường hợp thoả thuận quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch kèm theo).

5.3.2.7 Hoàn thiện văn bản, xin phép ký kết:

- Nếu ý kiến của các Bộ ngành liên quan và Bộ Ngoại giao đồng nhất với dự thảo, Vụ Hợp tác Quốc tế trình báo cáo Lãnh đạo Bộ.
- Nếu ý kiến của các Bộ ngành liên quan và Bộ Ngoại giao không đồng nhất với dự thảo, Vụ Hợp tác Quốc tế cần thông báo cho phía nước ngoài để thống nhất sửa chữa. Nếu Bộ Y tế muốn bảo lưu các nội dung của dự thảo, cần làm tờ trình xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ.

5.3.2.8 Phê duyệt việc ký kết:

- Lãnh đạo Bộ sau khi nhận được tờ trình báo cáo của Vụ Hợp tác Quốc tế sẽ cho ý kiến/phê duyệt việc ký kết thoả thuận quốc tế. Trong trường hợp cần xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, ý kiến của Thủ tướng Chính phủ sẽ là cơ sở để Bộ trưởng quyết định phê duyệt việc ký kết.

5.3.2.9 Ký kết:

- Bộ trưởng có thể là người trực tiếp ký kết thoả thuận quốc tế hoặc uỷ quyền cho người khác.

- Sau khi được Bộ trưởng phê duyệt, Vụ Hợp tác Quốc tế phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai việc giải quyết các thủ tục liên quan. Lễ ký kết có thể được tổ chức nhân dịp chuyến thăm chính thức của các đoàn cấp cao của Nhà nước/Chính phủ hai nước hoặc chuyến thăm của các đoàn cấp cao của Bộ Y tế Việt Nam/đối tác phía nước ngoài.

5.3.2.10 Giải quyết các thủ tục:

a. Lưu trữ thoả thuận quốc tế:

- Sau khi ký kết thoả thuận quốc tế, Vụ Hợp tác Quốc tế soạn thảo báo cáo Thủ tướng Chính phủ bằng văn bản, đồng thời gửi Bộ Ngoại giao bản sao thoả thuận quốc tế đã được ký kết để thông báo. Bản gốc thoả thuận quốc tế do Bộ Y tế lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

b. Sao lục thoả thuận quốc tế:

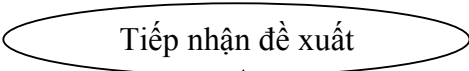
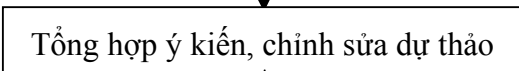
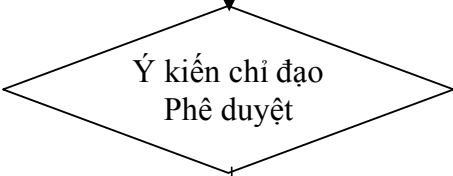
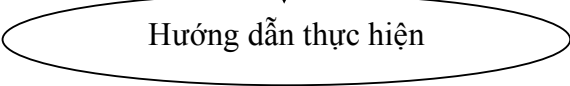
- Bộ Y tế (Vụ Hợp tác Quốc tế) có trách nhiệm sao lục thoả thuận quốc tế có hiệu lực gửi các đơn vị có liên quan để thực hiện thoả thuận quốc tế đó.

- Trong trường hợp thoả thuận quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài, Bộ Y tế (Vụ Hợp tác Quốc tế) có trách nhiệm gửi kèm theo bản dịch bằng tiếng Việt của thoả thuận quốc tế đó.

* Ghi chú: Trong trường hợp dự thảo văn bản thoả thuận quốc tế cấp Bộ do phía nước ngoài xây dựng, quy trình sẽ được thực hiện kể từ bước 5.3.2.5.

5.4 Văn bản hợp tác quốc tế cấp đơn vị:

5.4.1 Sơ đồ quy trình:

| Người chịu trách nhiệm | Nội dung thực hiện | Mô tả biểu mẫu |
|------------------------|--|----------------|
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.4.2.1 |
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.4.2.2 |
| Lãnh đạo Bộ |  | |
| Vụ Hợp tác Quốc tế |  | 5.4.2.3 |

5.4.2 Mô tả sơ đồ:

5.4.2.1 Tiếp nhận đề xuất:

- Đơn vị xây dựng dự thảo hợp tác quốc tế trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, gửi Bộ Y tế (Vụ Hợp tác Quốc tế) cho ý kiến phê duyệt việc ký kết.

- Hồ sơ trình Bộ Y tế bao gồm:

+ Công văn xin phép ký kết nêu rõ sự cần thiết ký kết văn bản hợp tác quốc tế.

+ Dự thảo văn bản hợp tác quốc tế.

5.4.2.2 Chính sửa dự thảo:

- Sau khi nhận được công văn của đơn vị, Vụ Hợp tác Quốc tế gửi các đơn vị liên quan, đề nghị nghiên cứu và cho ý kiến chỉnh sửa.

- Vụ Hợp tác Quốc tế tổng hợp ý kiến của các đơn vị liên quan, trình xin ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ.

5.4.2.3 Hướng dẫn thực hiện:

- Sau khi được Lãnh đạo Bộ phê duyệt, Vụ Hợp tác Quốc tế soạn thảo công văn thông báo cho đơn vị, đồng thời hướng dẫn đơn vị các thủ tục ký kết và giám sát đơn vị thực hiện việc ký kết.

6. BIỂU MẪU:

Quy trình này không kèm theo biểu mẫu.

7. HỒ SƠ:

7.1. Điều ước quốc tế do Bộ Y tế ký nhân danh Chính phủ:

- Bộ Y tế (Vụ Hợp tác Quốc tế) gửi Bộ Ngoại giao bản chính điều ước quốc tế, bản dịch bằng tiếng Việt trong trường hợp điều ước quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài, bản ghi điện tử nội dung điều ước quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Bộ Ngoại giao sao y bản chính gửi các Bộ ngành liên quan, trong đó có Bộ Y tế.

- Nếu là điều ước quốc tế nhiều bên, Bộ Y tế (Vụ Hợp tác Quốc tế) gửi Bộ Ngoại giao bản sao điều ước quốc tế nhiều bên đã được cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế nhiều bên chứng thực, bản dịch điều ước quốc tế bằng tiếng Việt, bản ghi điện tử nội dung điều ước bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Bộ Ngoại giao sao y bản chính gửi các Bộ ngành liên quan, trong đó có Bộ Y tế.

- Bản sao y bản chính của Bộ Ngoại giao được lưu giữ tại Vụ Hợp tác Quốc tế, Vụ Hợp tác Quốc tế sao gửi các đơn vị liên quan trong

7.2. Thỏa thuận quốc tế cấp Bộ:

- Sau khi ký kết thỏa thuận quốc tế, Vụ Hợp tác Quốc tế soạn thảo báo cáo Thủ tướng Chính phủ bằng văn bản, đồng thời gửi Bộ Ngoại giao bản sao thỏa thuận quốc tế đã được ký kết để thông báo. Bản gốc thỏa thuận quốc tế do Bộ Y tế (Vụ Hợp tác Quốc tế) lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

- Bộ Y tế (Vụ Hợp tác Quốc tế) có trách nhiệm sao lục thỏa thuận quốc tế có hiệu lực gửi các đơn vị có liên quan để thực hiện thỏa thuận quốc tế đó.

- Trong trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài, Bộ Y tế (Vụ Hợp tác Quốc tế) có trách nhiệm gửi kèm theo bản dịch bằng tiếng Việt của thỏa thuận quốc tế đó.

7.3. Văn bản ghi nhớ hợp tác quốc tế cấp đơn vị:

- Sau khi văn bản ghi nhớ hợp tác quốc tế được ký kết, đơn vị ký kết soạn thảo báo cáo Bộ Y tế, đồng thời gửi kèm bản sao văn bản ghi nhớ hợp tác quốc tế đã được ký kết để thông báo. Bản gốc văn bản ghi nhớ hợp tác quốc tế được lưu trữ tại đơn vị ký kết theo quy định của pháp luật về lưu trữ.